

Số: 1468/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT

Đồng Nai, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học năm học 2024-2025

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-ĐHLN-TCKT 23/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học áp dụng tại Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai năm học 2024-2025

(Chi tiết tại Phụ lục 01; 02; 03; 04 đính kèm)

Điều 2. Quy định mức thu học phí theo Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm học 2024-2025 và thay thế cho Thông báo số 137/TB-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 22/8/2024 về việc tạm thu học phí bậc đào tạo đại học học kỳ I năm học 2024-2025; Quyết định số 68/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 15/01/2024 về việc quy định mức thu học phí bậc đào tạo đại học năm học 2023-2024 của Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trong trường, sinh viên các bậc, hệ đào tạo và các cơ sở đào tạo liên kết ngoài trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng ĐHLN (b/c);
- Ban giám đốc;
- Các cơ sở liên kết đào tạo;
- Website trường;
- Lưu: VT, TCKT, ĐT.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH PHÂN HIỆU**



Nguyễn Sỹ Hà



Phụ lục 01

QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ KHÓA 68 TRỞ VỀ TRƯỚC - NĂM HỌC 2024-2025 - HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-PHDHLN-TCKT-ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chính quy đại trà Năm học 2024-2025	
				Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/ tháng)	Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/sinh viên/tín chỉ)
A		HỆ CHÍNH QUY TẬP TRUNG VÀ HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG			
I		ĐỐI VỚI KHÓA 64 TRỞ VỀ TRƯỚC		1.410.000	397.000
II		Đối với môn: Giáo dục quốc phòng			350.000
III		ĐỐI VỚI KHÓA 65 đến khóa 68			
	III	Kinh doanh và quản lý, pháp luật			
1	III	7340101	Quản trị kinh doanh	1.410.000	392.000
2	III	7340201	Tài chính - Ngân hàng	1.410.000	392.000
3	III	7340301	Kế toán	1.410.000	392.000
	V	Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y			
4	V	7480104	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	1.640.000	469.000
5	V	7510605	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1.640.000	456.000
6	V	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản	1.640.000	456.000
7	V	7580108	Thiết kế nội thất	1.640.000	456.000
8	V	7620110	Khoa học cây trồng	1.640.000	472.000
9	V	7620112	Bảo vệ thực vật	1.640.000	434.000
10	V	7620205	Lâm sinh	1.640.000	465.000
11	V	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	1.640.000	450.000
12	V	7640101	Thú y	1.640.000	447.000
13	V	7640101	Chăn nuôi	1.640.000	486.000
	VII	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường			
14	VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1.500.000	426.000
15	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	1.500.000	435.000
16	VII	7850103	Quản lý đất đai	1.500.000	435.000



Phụ lục 02

QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ KHÓA 69 TRỞ VỀ SAU - NĂM HỌC 2024-2025 - HỆ CHÍNH QUY

(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Chính quy đại trà Năm học 2024-2025	
				Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/ tháng)	Mức thu học phí một tín chỉ (Đồng/sinh viên/tín chỉ)
A		HỆ CHÍNH QUY TẬP TRUNG VÀ HỆ LIÊN THÔNG CHÍNH QUY ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG,			
I		Đối với môn: Giáo dục quốc phòng			350.000
II		CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ			
	III	Kinh doanh và quản lý, pháp luật			
1	III	7340101	Quản trị kinh doanh	1.410.000	386.000
2	III	7340116	Bất động sản	1.410.000	403.000
2	III	7340201	Tài chính - Ngân hàng	1.410.000	379.000
3	III	7340301	Kế toán	1.410.000	384.000
	V	Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y			
4	V	7480104	Hệ thống thông tin (Công nghệ thông tin)	1.640.000	434.000
5	V	7510605	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1.640.000	456.000
6	V	7549001	Công nghệ chế biến lâm sản (cử nhân)	1.640.000	426.000
7	V	7580108	Thiết kế nội thất	1.640.000	423.000
8	V	7620110	Khoa học cây trồng	1.640.000	440.000
9	V	7620112	Bảo vệ thực vật	1.640.000	434.000
10	V	7620205	Lâm sinh (kỹ sư)	1.640.000	450.000
11	V	7620205	Lâm sinh (cử nhân)	1.640.000	465.000
12	V	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	1.640.000	442.000
13	V	7640101	Thú y	1.640.000	432.000
14	V	7640101	Chăn nuôi (Cử nhân)	1.640.000	486.000
15	V	7640101	Chăn nuôi (Kỹ sư)	1.640.000	447.000



(Handwritten signature)

	VII	Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường			
16	VII	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1.500.000	411.000
17	VII	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	1.500.000	414.000
18	VII	7850103	Quản lý đất đai	1.500.000	405.000

Handwritten signatures in blue ink.





Phụ lục 03

QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ BẠC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC CỦA LIÊN THÔNG, VĂN BẰNG 2, ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 1468 /QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Khối ngành	Mã ngành	Ngành đào tạo	Mức học phí niên chế (Đồng/sinh viên/tháng)	Ghi chú
I TỪ KHÓA 67 TRỞ VỀ TRƯỚC					
1	Đại học liên thông , Văn bằng 2,			1.350.000	Thu 6 học kỳ gồm 5 học kỳ chính và 1 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)
2	Đại học			1.350.000	Thu 9 học kỳ gồm 8 học kỳ chính và 01 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)
I KHÓA 68					
1	Đại học liên thông, Văn bằng 2,			1.500.000	Thu 6 học kỳ gồm 5 học kỳ chính và 1 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)
2	Đại học			1.500.000	Thu 9 học kỳ gồm 8 học kỳ chính và 01 học kỳ tốt nghiệp (thu bằng 50% học phí kỳ trước đó)
II TỪ KHÓA 69 TRỞ VỀ SAU					
1 Hệ Đại học liên thông, Văn bằng 2,					
1.1	Chương trình cử nhân Kế toán			1.600.000	Thu học phí đủ 5 kỳ học phí
1.2	Chương trình cử nhân ngành khác			1.700.000	Thu học phí đủ 5 kỳ học phí
1.3	Chương trình kỹ sư			1.800.000	Thu học phí đủ 6 kỳ học phí
2 Hệ Đại học					
2.1	Chương trình cử nhân Kế toán			1.600.000	Thu học phí đủ 9 kỳ học phí
2.2	Chương trình cử nhân ngành khác			1.700.000	Thu học phí đủ 9 kỳ học phí
2.3	Chương trình kỹ sư			1.800.000	Thu học phí đủ 10 kỳ học phí



Phụ lục 04

QUY ĐỊNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC ĐỐI VỚI CÁC LỚP HỌC RIÊNG NGOÀI KẾ HOẠCH, THEO YÊU CẦU CỦA NGƯỜI HỌC NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-PHĐHLN-TCKT-ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Hạng mục	Mức thu học phí một tín chỉ (đồng/tín chỉ)
1	Lớp học riêng ngoài kế hoạch theo yêu cầu	
	- Lớp 1 sinh viên	3.000.000
	- Lớp từ 2-5 sinh viên	1.600.000
	- Lớp từ 6-10 sinh viên	860.000
	- Lớp từ 11 sinh viên trở lên	500.000
2	Khóa luận tốt nghiệp (học lại)	
	- Bachelor's degree (Thesis)	500.000

Ghi chú: Đối với các lớp đào tạo ngoài trường, sinh viên học theo yêu cầu được bố trí kế hoạch học tập tại trường và mức thu học phí áp dụng như các lớp học hè, học riêng ngoài kế hoạch; Sinh viên có nhu cầu học tại Cơ sở liên kết, mức thu sẽ cao hơn mức thu tại trường (bao gồm mức thu học phí và chi phí đi lại, ở, ... của giảng viên) nhưng không quá 1,5 lần mức thu tại trường.